



NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP NĂM 2021



Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2022



Trình bày: Vũ Kê khai và Kế toán thuế



NỘI DUNG TRÌNH BÀY

Phần 1:

Cập nhật một số quy định mới về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2021

Phần 2:

Một số lưu ý về kê khai quyết toán
thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021



NỘI DUNG TRÌNH BÀY

Phần 1:

Cập nhật một số quy định mới về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2021



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

1. Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

1. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 được sửa đổi, bổ sung bởi:
 - ❖ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014;
 - ❖ Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015;
 - ❖ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2014 và áp dụng cho kỳ tính thuế từ năm 2014 trở đi, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 có hiệu lực kể từ ngày 15/11/2014 và áp dụng cho kỳ tính thuế từ năm 2014;
2. Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
3. Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2018.
4. Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 04/6/2021.



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 02/8/2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính hiệu lực kể từ ngày 01/9/2014;
2. Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 15/11/2014;
3. Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 06/8/2015;
4. Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2016.
5. Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016.
6. Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2018
7. Thông tư số 71/2021/TT-BTC ngày 17/8/2021 của Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ 01/11/2021



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2. Văn bản mới ban hành về chính sách thuế TNDN trong năm 2021:

2.1. Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021 của Chính phủ có hiệu lực kể từ ngày 04/6/2021

Phạm vi áp dụng: doanh nghiệp có dự án đầu tư (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, **thực hiện trước ngày 01/01/2015**, đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

- Chưa được hưởng ưu đãi thuế TNDN thì được hưởng ưu đãi theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ
- Đã hưởng hết ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác thì được hưởng ưu đãi theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm CNHT cho thời gian còn lại
- Đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm CNHT cho thời gian còn lại
- Tính từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm CNHT.



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2.1. Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021 của Chính phủ có hiệu lực kể từ ngày 04/6/2021

Tổ chức thực hiện

- Trường hợp thực hiện theo quy định tại Nghị định này (kể cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện thanh tra, kiểm tra) dẫn đến giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp (nếu có) thì người nộp thuế có văn bản đề nghị gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đã thực hiện kê khai hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra và tiền chậm nộp tương ứng (nếu có)
- Sau khi điều chỉnh mà có số tiền thuế, tiền chậm nộp nộp thừa thì thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành về xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2. Văn bản mới ban hành về chính sách thuế TNDN trong năm 2021:

2.2. Thông tư số 71/2021/TT-BTC ngày 17/8/2021 của Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2021

Phạm vi áp dụng: Ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa thành lập trước ngày Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành, có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa

- Cơ sở đáp ứng được các điều kiện theo Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 được hưởng ưu đãi về thuế TNDN cho thời gian còn lại kể từ khi đáp ứng được các điều kiện theo Quyết định 1466/QĐ-TTg.
- Cơ sở đáp ứng được các điều kiện theo Danh mục sửa đổi ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 được hưởng ưu đãi về thuế TNDN cho thời gian còn lại kể từ khi đáp ứng được các điều kiện theo Quyết định 693/QĐ-TTg.
- Cơ sở đáp ứng được các điều kiện theo Danh mục sửa đổi ban hành kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 được hưởng ưu đãi về thuế TNDN cho thời gian còn lại kể từ khi đáp ứng được các điều kiện theo Quyết định 1470/QĐ-TTg.



Phần 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2.2. Thông tư số 71/2021/TT-BTC ngày 17/8/2021 của Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2021

- Cơ sở **đáp ứng** được các **điều kiện** theo Danh mục chi tiết **trước thời điểm** Quyết định số 1466/QĐ-TTg hoặc Quyết định số 693/QĐ-TTg hoặc Quyết định số 1470/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành thì **được hưởng ưu đãi về thuế TNDN cho thời gian còn lại kể từ khi Quyết định số 1466/QĐ-TTg hoặc Quyết định số 693/QĐ-TTg hoặc Quyết định số 1470/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành.**
- Cơ sở **không đáp ứng** các **điều kiện** thực hiện **kê khai bổ sung** số thuế thu nhập doanh nghiệp còn thiếu (nếu có), tự tính số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp **hoặc cơ quan thuế thực hiện truy thu** số thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Cơ sở có phát sinh số thuế còn thiếu **không bị phạt vi phạm pháp luật về thuế** và **không tính tiền chậm nộp** trên số tiền thuế TNDN tạm thời chưa truy thu theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 151/2014/TT-BTC đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.
- Kể từ ngày tiếp theo ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà cơ sở chưa nộp số thuế TNDN tạm thời chưa thu nêu trên thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế chưa nộp và xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2.3. Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của UBTVQH và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ

- **Phạm vi điều chỉnh:** Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp **của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021**
- **Điều kiện:** người nộp thuế theo pháp luật thuế TNDN có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và **doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.**
- Không áp dụng tiêu chí doanh thu trong kỳ tính thuế **năm 2021** giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế **năm 2019** đối với trường hợp DN mới thành lập, **hợp nhất, sáp nhập, chia, tách** trong kỳ tính thuế **năm 2020** và **năm 2021**
- Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo năm dương lịch.
- Trường hợp DN áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính áp dụng quy định tại pháp luật thuế TNDN



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2.3. Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của UBTVQH và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ

➤ Xác định doanh thu:

1. Doanh thu trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ tiền bán hàng, tiền công, tiền cung ứng dịch vụ và từ hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng theo quy định của pháp luật thuế TNDN, **không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác.**
2. Đối với doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động không đủ 12 tháng: **doanh thu được xác định bằng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế chia (:) cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế nhân (x) với 12 tháng.**



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2.3. Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của UBTVQH và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ

➤ Xác định doanh thu (tiếp)

3. DN có kỳ tính thuế năm đầu tiên là năm 2020 hoặc kỳ tính thuế năm cuối cùng là năm 2022 mà có thời gian ngắn hơn 03 tháng và doanh nghiệp được cộng vào kỳ tính thuế năm 2021 để hình thành một kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp thì **việc xác định doanh thu và số thuế được giảm chỉ áp dụng đối với 12 tháng của kỳ tính thuế năm 2021.**
4. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh thì doanh thu trong kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm doanh thu của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh thể hiện trên báo cáo tài chính tổng hợp năm.



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2.3. Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của UBTVQH và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ

➤ **Xác định số thuế được giảm:**

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của kỳ tính thuế năm 2021 được tính trên toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp, **bao gồm cả các khoản thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật thuế TNDN** (*Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam; thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí tài nguyên quý hiếm khác, thu nhập từ hoạt động khai thác khoáng sản, thu nhập từ kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt*)
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm được tính trên số thuế phải nộp sau khi đã trừ đi số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2.3. Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của UBTVQH và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ

➤ Thủ tục giảm thuế:

- Doanh nghiệp xác định số thuế TNDN được giảm để kê khai trên tờ khai 03/TNDN hoặc 04/TNDN và trên Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm.
- Qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền **phát hiện doanh nghiệp không thuộc đối tượng được giảm thuế hoặc số thuế phải nộp của kỳ tính thuế năm 2021 lớn hơn số thuế doanh nghiệp đã kê khai** thì doanh nghiệp phải nộp đủ số tiền thuế thiếu so với số phải nộp **sau khi đã được giảm theo quy định tại Nghị định** (nếu có), bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế tính trên số tiền thuế thiếu và tính tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
- Trường hợp số thuế phải nộp tăng do doanh nghiệp khai bổ sung hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì **số thuế tăng thêm được giảm 30%** nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng điều kiện được giảm thuế.
- Trường hợp số thuế phải nộp giảm do doanh nghiệp khai bổ sung hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì **điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm**.



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2.4. Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày ký

➤ **Đối tượng áp dụng**: Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, có khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam

- **Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:**
- Khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam **thông qua các đơn vị nhận ủng hộ**, tài trợ gồm:
 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung; cơ sở giáo dục; cơ quan báo chí; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn các cấp ở trung ương và địa phương; cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ; Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 các cấp; Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia; quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.
 - Các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của khoản ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 đã tiếp nhận



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2.4. Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày ký

- **Yêu cầu về hồ sơ:** Hồ sơ xác định khoản chi ủng hộ, tài trợ gồm có: **Biên bản xác nhận ủng hộ**, tài trợ theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ có **chữ ký, đóng dấu** của **người đại diện doanh nghiệp là bên ủng hộ, tài trợ** và **đại diện của đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ**; kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật
- **Kỳ tính thuế áp dụng quy định:** **kỳ tính thuế năm 2020 và năm 2021**



Phân 1. Quy định mới về chính sách thuế TNDN

2.5. Công văn 4110/TCT-DNNCN ngày 27/10/2021 của TCT

- **Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi thuế TNDN và không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động đối với:**
- Chi phí cách ly y tế do dịch Covid - 19 ở trong nước và tại nước ngoài đối với trường hợp đi công tác tại nước ngoài (chi phí tiền ăn, tiền ở; chi phí xét nghiệm Covid - 19; chi phí đưa đón từ nơi nhập cảnh vào Việt Nam hoặc từ nơi phát hiện đối tượng phải thực hiện cách ly y tế đến cơ sở cách ly y tế; chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong những ngày cách ly y tế; ...) **để thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền**
- Các khoản chi phí xét nghiệm Covid - 19 hoặc mua kit xét nghiệm Covid - 19 cho người lao động, chi phí mua các thiết bị cho người lao động nhằm bảo vệ người lao động khỏi nguy cơ lây nhiễm trong quá trình làm việc và các chi phí ăn, ở của người lao động ở tại doanh nghiệp hoạt động theo phương án "3 tại chỗ".
- Lưu ý **các khoản chi phí nêu trên phản ánh thực tế phát sinh và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định của pháp luật**



NỘI DUNG TRÌNH BÀY

Phần 2:

Một số lưu ý về kê khai
hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

1. Pháp luật về quản lý thuế

- ❖ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 có hiệu lực từ 01/7/2020;
- ❖ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 05/12/2020;
- ❖ Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 có hiệu lực từ ngày 20/12/2020 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020;
- ❖ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, riêng mẫu biểu hồ khai quyết toán thuế TNDN áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2021
- ❖ Thông tư số 151/2014/TT-BTC quy định các nội dung về xác định số thuế TNDN được phân bổ phát sinh trước ngày Thông tư số 80/2021/TT-BTC có hiệu lực.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

1. Pháp luật về quản lý thuế

Thời hạn tạm nộp thuế: doanh nghiệp tạm nộp thuế theo quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính), chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau (Khoản 1 Điều 55 Luật QLT, điểm b khoản 6 Điều 8 NĐ126).

Người nộp thuế có thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu được.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

1. Pháp luật về quản lý thuế

Thời hạn khai thuế

- ❖ Chậm nhất là ngày 31/3/2022 đối với doanh nghiệp có năm tài chính trùng năm dương lịch
- ❖ Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm tài chính đối với DN có năm tài chính khác năm dương lịch
- ❖ Chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày xảy ra sự kiện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động hoặc tổ chức lại doanh nghiệp. Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa) mà DN chuyển đổi kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp được chuyển đổi thì doanh nghiệp khai quyết toán khi kết thúc năm

Nơi nộp hồ sơ khai thuế:

- Cơ quan thuế quản lý trực tiếp NNT;
- Cơ quan thuế quản lý nơi NNT có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh được hưởng ưu đãi thuế.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

Về tính tiền chậm nộp đối với số thuế tạm nộp quý

Tạm thời chưa tính tiền chậm nộp đối với trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 03 quý đầu năm (75% số thuế phải nộp theo quyết toán) tính đến ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 03 quy định

tại điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Tương tự với quy định về tạm nộp khoản lợi nhuận sau thuế còn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp của hàng vận tải nước ngoài quy định tại điểm c, điểm g
khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

**Cơ quan thuế sẽ tính và thông báo bổ sung tiền chậm nộp (nếu có) sau khi
Nghị định sửa đổi được ban hành**



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

Ngày 17/3/2022, Tổng cục Thuế đã thực hiện nâng cấp các ứng dụng hỗ trợ lập và nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN điện tử theo mẫu biểu Thông tư số 80/2021/TT-BTC:

HTKK
4.7.3

eTax
2.0.6

iTax
viewer
1.8.8



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

Hồ sơ khai quyết toán TNDN gồm:

- ❖ NNT tính thuế TNDN theo doanh thu - chi phí

1.Tờ khai 03/TNDN (Thông tư 80/2021)

2.Phụ lục kết quả sản xuất kinh doanh theo mẫu 03-1A/TNDN
hoặc 03-1B/TNDN hoặc 03-1C/TNDN (Thông tư 80/2021)

3.Báo cáo tài chính năm
(theo pháp luật kế toán, pháp luật kiểm toán)

Một hoặc một số PL theo tình hình thực tế của NNT
(không bắt buộc) (TT80/2021, NĐ92, NĐ132)



Mẫu hồ sơ khai quyết toán TNDN

Hồ sơ khai quyết toán TNDN gồm:

❖ NNT tính thuế TNDN theo doanh thu - chi phí

❖ Các phụ lục khác theo phát sinh của NNT (TT80/2021)

- Phụ lục chuyển lỗ 03-2/TNDN
- Phụ lục ưu đãi theo Luật thuế TNDN 03-3/TNDN
- Phụ lục tính thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài 03-4/TNDN
- Phụ lục thu nhập từ chuyển nhượng BĐS 03-5/TNDN
- Phụ lục trích lập, sử dụng Quỹ KHCN 03-6/TNDN
- Phụ lục bảng phân bổ thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động KD khác tỉnh: sản xuất, chuyển nhượng BĐS, xổ số điện toán 03-8/TNDN
- Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền của hoạt động CN BĐS thu tiền theo tiến độ 03-9/TNDN
- Phụ lục giảm thuế theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP
- Phụ lục I, II, III, IV Nghị định 132/2020/NĐ-CP về GDLK



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

Hồ sơ khai quyết toán TNDN gồm:

- ❖ NNT tính thuế TNDN theo tỷ lệ trên doanh thu

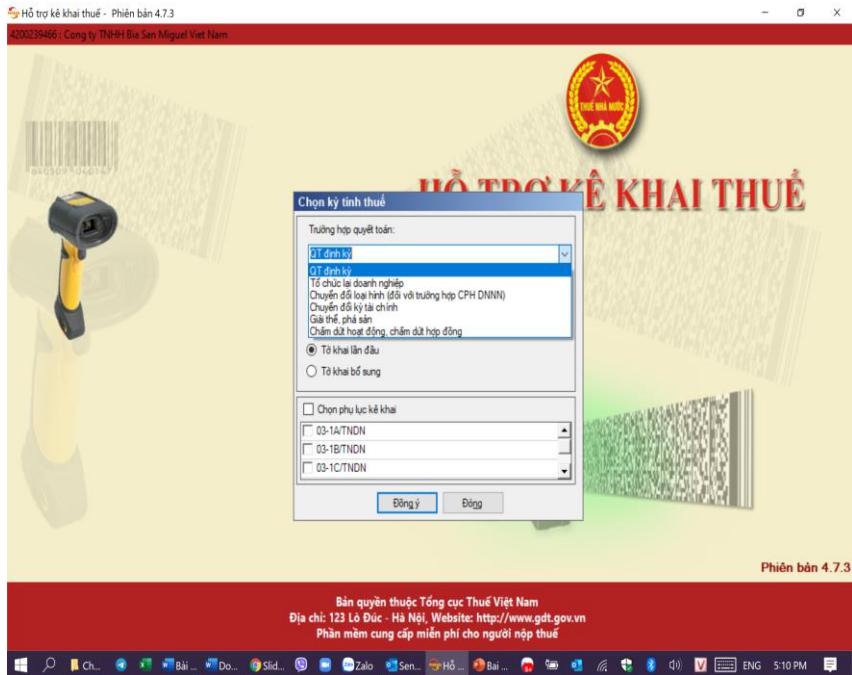
1. Tờ khai 04/TNDN (Thông tư 80/2021)

2. Báo cáo tài chính năm (theo pháp luật kế toán, pháp luật kiểm toán)
(trừ doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông
tư số 132/2018/TT-BTC)

Phụ lục giảm thuế theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP
(không bắt buộc)



Phần 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021



* Lưu ý khi lập và gửi hồ sơ theo phương thức điện tử:

- Thực hiện gửi báo cáo tài chính trước khi gửi tờ khai; Lựa chọn kê khai báo cáo tài chính năm (không nhầm lẫn với báo cáo tài chính hợp nhất)
- Lựa chọn trường hợp quyết toán phù hợp (Quyết toán định kỳ hay quyết toán chuyển đổi kỳ tài chính, tổ chức lại doanh nghiệp, cổ phần hóa DN NN, giải thể, phá sản...);
- Kiểm tra thông tin kỳ quyết toán (từ...đến...) phù hợp với kỳ tài chính đã đăng ký với CQT (NNT tự kiểm tra tại chức năng lập tờ khai QT TNDN trên ứng dụng Etax)
- Kê khai các Phụ lục trước, khai tờ khai sau để hệ thống hỗ trợ kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Tờ khai quyết toán mẫu 03/TNDN

- ❖ **Đối tượng áp dụng:** NNT tính thuế TNDN theo doanh thu - chi phí
- ❖ **Chỉ tiêu [E], [G]:** Không bao gồm số thuế phải nộp, đã nộp của hoạt động ưu đãi khác tỉnh kê khai riêng trên các Phụ lục 03-3
- ❖ **Chỉ tiêu số thuế nộp thừa kỳ trước chuyển sang** trên tờ khai 03/TNDN, các Phụ lục 03-3, các Phụ lục 03-8: khai số thuế TNDN nộp thừa trong kỳ trước do NNT thực hiện tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán năm, chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.
- ❖ **Chỉ tiêu số thuế đã tạm nộp trong năm:** khai số thuế TNDN đã tạm nộp đến thời hạn nộp hồ sơ quyết toán



Phần 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Tờ khai quyết toán mẫu 03/TNDN

Xác định nội dung kinh tế (tiểu mục)

Số thuế phải nộp trên CT **[E1] tờ khai 03/TNDN**, NNT lựa chọn ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất trên tờ khai trên chỉ tiêu **[04]** của tờ 03/TNDN, hệ thống HTKK hỗ trợ xác định nội dung kinh tế (tiểu mục) để NNT thực hiện lập chứng từ nộp tiền vào NSNN:

R9201 - Hoạt động xổ số: **TM1057**

B06 - Khai thác dầu thô và khí đốt: **TM1056**

Các ngành khác: **TM1052**

Số thuế phải nộp **[E2]: TM1053**

Số thuế phải nộp **[E5]: TM1052** (trừ phần tính lãi từ tiền thuế TNDN do sử dụng không hết Quỹ KHCN tại cột (13), lãi từ tiền thuế TNDN do sử dụng không đúng Quỹ KHCN cột (14) PL03-6)



Phần 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Tờ khai quyết toán mẫu 03/TNDN

Xác định nội dung kinh tế (tiểu mục)

Số thuế phải nộp trên CT [20] PL03-3A, [20] PL03-3B, [25] PL03-3C, [27] PL03-3D: **TM 1052**

Số thuế phải nộp trên CT [20] PL03-3A - DADT nhà ở XH: **TM 1053**

Số lãi phải nộp trên tổng cột (13) Phần III PL03-6: **TM 4949**

Số lãi phải nộp trên tổng cột (14) phần III PL03-6: **TM 4918**

Số thuế phải nộp phân bổ trên phụ lục 03-8, 03-8B: **TM 1052**

Số thuế phải nộp phân bổ trên phụ lục 03-8A: **TM 1053**

Số thuế PN phân bổ trên phụ lục 03-8C: **TM 1057**



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 4.7.3

- □ X

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

[02] Lần đầu: X

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%):

[06] Tên người nộp thuế :

[07] Mã số thuế:

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí
 Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác
 Hoạt động xổ số
 Hoạt động cá cược và đánh bạc
 Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí
 Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác
 Sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình
 Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác

ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	0
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp ($B1 = B2 + B3 + B4 + B5 + B6 + B7$)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp ($B8 = B9 + B10 + B11 + B12$)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0

Tờ khai

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Nhập từ XML Đóng





Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 4.7.3

1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	1.000.000.000
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	500.000.000
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	500.000.000
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	350.000.000
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	300.000.000
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	750.000.000
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		750.000.000
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	750.000.000
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	600.000.000
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS ($H2=E3-G4$)	H2	500.000.000
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	1.100.000.000
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($I1=E1+E5-G1-G2$)	I1	600.000.000
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS ($I2=E2-G3-G4-G5$)	I2	500.000.000

E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trước kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	Số kê khai trên tờ khai	Tiểu mục 1052	Tiểu mục 1056	Tiểu mục 1057	Tiểu mục 1099	Tiểu mục 1053
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000	0	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	500.000.000					500.000.000
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) không bao gồm tiền lãi phải nộp khi xử lý quỹ KHO	E5 - Tổng cột [13] mục III trên bảng kê 03-6 - Tổng cột [14] mục III trên bảng	50.000.000	50.000.000	0	0	0	

Tờ khai 03-6/TNDN

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Nhập từ XML Đóng





Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.1.1. Phụ lục kết quả sản xuất kinh doanh**
- ❖ Đối tượng áp dụng: tất cả NNT kê khai tờ khai 03/TNDN, trừ công ty quốc phòng, an ninh
- ❖ NNT phải nộp Phụ lục kết quả sản xuất kinh doanh theo một trong ba mẫu biểu sau:
 - + Mẫu 03-1A/TNDN đối với NNT hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường
 - + Mẫu 03-1B/TNDN đối với đối với ngành ngân hàng, tín dụng
 - + Mẫu 03-1C/TNDN đối với Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
- ❖ **Dữ liệu trên Phụ lục này phù hợp với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính theo pháp luật kế toán.**



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

3.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

❖ 3.1.2. Phụ lục chuyển lỗ 03-2

- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT thực hiện hoạt động chuyển lỗ kỳ trước bù trừ với lãi kỳ này
- ❖ NNT kê khai tách riêng mục I, mục II để chuyển lỗ theo từng loại thu nhập (chuyển lỗ đối với hoạt động SXKD thông thường; chuyển lỗ đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản), theo từng năm chuyển lỗ.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.1.3. Phụ lục ưu đãi 03-3A, B, C, D**
- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT có hoạt động được hưởng ưu đãi:
 - + mẫu 03-3A/TNDN đối với dự án đầu tư mới, thu nhập của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi
 - + mẫu 03-3B/TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng
 - + mẫu 03-3C/TNDN đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ
 - + mẫu 03-3D/TNDN đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ 2.1.3. Phụ lục ưu đãi 03-3A, B, C, D
- ❖ NNT lựa chọn hoạt động ưu đãi là cùng tỉnh hay khác tỉnh với nơi có trụ sở chính. Đối với trường hợp hoạt động ưu đãi khác tỉnh, theo quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, NNT phải kê khai riêng tại CQT quản lý đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh.
 - Khi NNT kê khai điện tử các Phụ lục ưu đãi cùng hồ sơ khai quyết toán tại trụ sở chính, hệ thống nội bộ của cơ quan thuế sẽ tự động chuyển toàn bộ thông tin NNT kê khai cho CQT quản lý đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi trên cơ sở thông tin CQT quản lý và Địa bàn cấp tỉnh, huyện, xã do NNT xác định trên Phụ lục.
- ❖ Với mỗi nhóm Phụ lục ưu đãi là 03-3A hoặc B hoặc C hoặc D, NNT có thể lập một Phụ lục ưu đãi cùng tỉnh và nhiều Phụ lục ưu đãi khác tỉnh theo từng CQT quản lý đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.1.3. Phụ lục ưu đãi 03-3A, B, C, D**
- ❖ NNT xác định trường hợp, hình thức, số năm ưu đãi, số thuế được ưu đãi do cùng một CQT quản lý theo bảng kê chi tiết, xác định số thuế phải nộp tại địa bàn hoạt động ưu đãi và thực hiện nộp thuế tại CQT quản lý đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do NNT xác định trên Phụ lục ưu đãi.
- ❖ NNT không phải kê khai mục B của Phụ lục 03-3A, B và mục C của Phụ lục 03-3C, D (Xác định số thuế phải nộp tại địa bàn ưu đãi khác tỉnh) nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN cùng tỉnh với nơi có trụ sở chính. Số thuế phải nộp của hoạt động ưu đãi cùng tỉnh được xác định trên chỉ tiêu [E1] và nộp tại CQT quản lý trực tiếp



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 4.7.3

- □ X

PI

THUẾ THU NHẬP

Đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới, thu n

Ưu đãi cùng/khác địa bàn với nơi có trụ sở chính

Cơ quan thuế cấp Cục

Cục Thuế TP Hải Phòng

Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội

Ưu đãi khác tỉnh

Ưu đãi cùng tỉnh

Ưu đãi khác tỉnh

Cục Thuế TP Hải Phòng

[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/Thành phố

Hải Phòng

[09b] Quận/huyện

Quận Hồng Bàng

[09a] Xã/phường Phường Trại Chuôi

A. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

TT	Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh	Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Điều kiện được hưởng ưu đãi thuế	Thông tin dự án đầu tư			Xác định thời gian ưu đãi			
					Tên dự án đầu tư	Mã dự án đầu tư (nếu có)	Lĩnh vực hoạt động	Ưu đãi thuế suất		Miễn giảm thuế	
								Số năm	Từ năm	Số năm	Từ năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Chi nhánh A	4200239466-001	Cục Thuế TP Hải Phòng	Ứng dụng công nghệ cao	Du an san xuat nong san huu co	001	Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	15	2010	13	2011
Tổng cộng											

B. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([16]=[11]-[1])	[16]	15.000.000
2	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[17]	0
3	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[18]	12.000.000
4	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([19]=[16]-[18])	[19]	3.000.000
5	Thuế TNDN còn phải nộp ([20]=[16]-[17]-[18])	[20]	3.000.000

← → ← → Tờ khai 03-3A/TNDN / 03-6/TNDN /

F5: Thêm dòng F7: Thêm bảng dữ liệu/ phụ lục
F6: Xóa dòng F8: Xóa bảng dữ liệu/ phụ lục

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Nhập từ XML Đóng





Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.1.4. Phụ lục thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài**
- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT có thu nhập từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài, khi thực hiện chuyển thu nhập về Việt Nam.
- ❖ NNT kê khai phụ lục này để xác định lại số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ cho phần thu nhập chuyển về theo pháp luật thuế TNDN.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.1.5. Phụ lục thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**
- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT có thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng BĐS đã quyết toán trong kỳ (**bao gồm cả doanh nghiệp chuyên kinh doanh BĐS**).



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.1.6. Phụ lục Quỹ khoa học công nghệ 03-6**
- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT có trích lập, sử dụng quỹ khoa học công nghệ theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC
- ❖ Lưu ý:
 - ❖ Trường hợp NNT phải tính lại thuế TNDN và tiền lãi do sử dụng không hết quỹ thì kê khai thuế vào cột (12), lãi vào cột (13). Tiền lãi nộp tiểu mục **4949**
 - ❖ Trường hợp NNT phải tính lại thuế TNDN và tiền lãi do sử dụng quỹ không đúng mục đích thì kê khai thuế vào cột (12), lãi vào cột (14). Tiền lãi nộp tiểu mục **4918**



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.1.7. Phụ lục phân bổ hoạt động sản xuất, hoạt động sản xuất thủy điện khác tỉnh (03-8 và 03-8B)**
- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT có cơ sở sản xuất khác tỉnh phải xác định số thuế phải nộp phân bổ cho nơi có trụ sở chính và nơi có cơ sở sản xuất khác tỉnh theo quy định tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC trên Phụ lục 03-8/TNDN (đối với các hoạt động phát sinh trước thời điểm Thông tư số 80/2021/TT-BTC có hiệu lực)
- ❖ NNT có nhà máy thủy điện nằm trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố thì NNT thực hiện kê khai phân bổ cho nhà máy tại mục 3 trên Phụ lục 03-8/TNDN và phân bổ theo giá trị đầu tư cho từng tỉnh trên Phụ lục 03-8B/TNDN.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.1.8. PL phân bổ hoạt động CN BĐS khác tỉnh (03-8A)**
- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT có hoạt động chuyển nhượng bất động sản khác tỉnh với nơi có trụ sở chính phải xác định số thuế phải nộp cho từng địa phương theo quy định tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC (đối với các hoạt động chuyển nhượng bất động sản phát sinh trước thời điểm Thông tư số 80/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành) và thực hiện kê khai Phụ lục này đối với hoạt động đã quyết toán trong kỳ và hoạt động đã tạm nộp theo tiến độ trong kỳ theo từng địa bàn cơ quan thuế nhận phân bổ.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.1.8. PL phân bổ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán khác tỉnh 03-8C**
- ❖ Đối tượng áp dụng: Công ty xổ số ĐT Vietlott



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

❖ 2.1.9. PL Bảng kê chứng từ 03-9

- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT có hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong kỳ tính thuế
- ❖ Số liệu chỉ tiêu [05], [07] được tổng hợp lên chỉ tiêu [G5] tờ khai 03/TNDN.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.1.10. Phụ lục giảm thuế 2021 theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP**
- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT tính giảm thuế theo NĐ92
- ❖ Doanh nghiệp kê khai số thuế TNDN được giảm:
- ❖ Đối với số thuế được giảm của hoạt động SXKD tại **[15]** của Phụ lục và tại **[C15]** trên tờ khai 03/TNDN.
- ❖ Đối với số thuế được giảm của hoạt động chuyển nhượng BĐS tại **[16]** của Phụ lục và tính trừ vào CT **[E3]** trên tờ khai 03/TNDN



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

❖ 2.1.11. Phụ lục giao dịch liên kết theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP

Đối tượng áp dụng: NNT có GDLK thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này có trách nhiệm kê khai thông tin về quan hệ liên kết và GDLK theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III.

NNT **được miễn kê khai xác định giá GDLK** tại mục III, mục IV Phụ lục I, miễn lập Hồ sơ xác định giá GDLK trong trường hợp chỉ phát sinh giao dịch với các bên **liên kết là NNT TNDN tại Việt Nam**, áp dụng cùng mức thuế suất thuế TNDN với NNT và **không** bên nào **được hưởng ưu đãi** thuế TNDN trong kỳ tính thuế, nhưng **phải kê khai căn cứ miễn trừ** tại mục I, mục II tại Phụ lục I.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.1. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 03/TNDN (tiếp)

❖ 2.1.11. Phụ lục giao dịch liên kết Nghị định 132/2020/NĐ-CP

NNT thuộc trường hợp **được miễn kê khai, miễn lập Hồ sơ xác định giá GDLK xác định tổng chi phí lãi vay được trừ** khi xác định TNCT của doanh nghiệp có giao dịch liên kết **theo mức tỷ lệ tối đa 30%** quy định tại điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

Doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Nghị định cần **lưu ý** các khoản chi phí **không được trừ** quy định tại Điều 16 Nghị định, trong đó có **khoản khống chế chi phí lãi vay được trừ theo tỷ lệ 30%** và quy định về chuyển tiếp chi phí lãi vay không được trừ liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh.



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.2. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 04/TNDN

- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT tính thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu
- ❖ Chỉ tiêu số thuế nộp thừa kỳ trước chuyển sang: khai số thuế TNDN nộp thừa trong kỳ trước do NNT thực hiện tạm nộp theo quý lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán năm, chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.
- ❖ Chỉ tiêu số thuế đã tạm nộp trong năm: khai số thuế TNDN đã tạm nộp đến thời hạn nộp hồ sơ quyết toán



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

2.2. Hồ sơ khai quyết toán mẫu 04/TNDN (tiếp)

- ❖ **2.2. Phụ lục giảm thuế Nghị định 92/2021/NĐ-CP**
- ❖ Đối tượng áp dụng: NNT tính giảm thuế theo NĐ92
- ❖ Doanh nghiệp kê khai số thuế TNDN được giảm trên [15] của Phụ lục và [C20] của tờ khai 04/TNDN



Phân 2. Khai quyết toán thuế TNDN năm 2021

- ❖ Tham khảo hướng dẫn kê khai chi tiết các chỉ tiêu trên mẫu biểu hồ sơ khai quyết toán thuế trong tài liệu trình bày tại Livestream ngày 16/2/2022 của Tổng cục Thuế hướng dẫn những điểm mới về khai thuế của Thông tư 80/2021/TT-BTC



Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, theo dõi
của Quý cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe - thành công!

